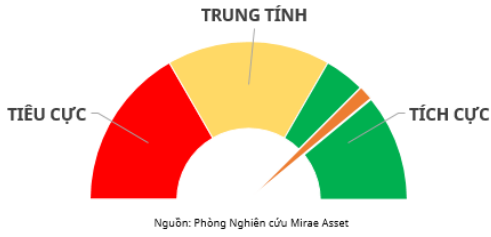


Thang đo sức mạnh thị trường



15 Tháng Mười 2021

# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)

Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,392.70	1.45	3.48	47.73
HNX	384.84	3.47	9.72	175.55
UPCOM	99.44	1.16	3.79	56.65
MSCI EM	1,266.67	0.77	-1.71	13.04
NIKKEI	29,068.63	3.64	-4.73	23.66
HANG SENG	25,330.96	5.69	-1.87	2.76
KOSPI	3,015.06	1.88	-4.39	27.69
FTSE	7,224.73	1.82	2.97	23.87
S&P 500	4,438.26	0.88	-0.95	27.41
NASDAQ	14,823.43	1.16	-2.23	26.55

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.85	2.69	16.20
SET INDEX	20.24	1.78	7.54
JCI INDEX	25.72	1.62	-1.53
PCOMP INDEX	24.79	1.80	7.50

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.90	-3	8	-28
10 năm	2.14	0	8	-40

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,762	0.00	-0.01	1.79
US\$/KRW	1,182	1.05	-1.01	-3.31
US\$/JPY	114	-1.72	-4.22	-7.66
US\$/EUR	0.86	-0.28	1.81	0.87
US\$/GBP	0.73	-0.78	0.87	-5.94
US\$/SGD	1.35	0.46	-0.55	0.86

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	897	822	700
HNX	113	123	102
UPCOM	91	85	48



### Nhận định thị trường

#### Bluechip lên tiếng, VN-Index tiến sát ngưỡng 1.400

Sau khoảng thời gian khá trầm lắng, nhóm cổ phiếu Ngân hàng đã có diễn biến bất phá ngay phiên đầu tuần (11/10) giúp VN-Index tăng hơn 20 điểm lên mức 1.392, tiến gần đến ngưỡng 1.400. Liên tục 4 phiên còn lại của tuần, VN-Index đã cố gắng chinh phục ngưỡng này, tuy nhiên khi đến gần ngưỡng tâm lý này, đà tăng lại suy yếu và chỉ số chỉ dừng ở mức cao nhất 1.400,78 trước khi trở lại vùng 1.395. VN-Index sau đó đã có diễn biến đi ngang đến hết tuần và chốt tuần tại 1.392,70. Tính cả tuần, VN-Index đã tăng 19,97 điểm (+1,45%) so với mức đóng cửa của tuần trước

Cùng với sự sôi động của nhóm cổ phiếu Ngân hàng, VIC và HPG là 2 bluechip đã tăng tốt trong tuần, 2 mã này lần lượt tăng 3,7% và 2,9% giúp VN-Index tăng 3,3 điểm và 1,9 điểm. Nhóm Ngân hàng đóng góp 6/10 mã, tổng cộng giúp VN-Index tăng 7,5 điểm. VRE và MWG dù được dự báo có kết quả kinh doanh Q3 kém khả quan nhưng đã có mặt trong top 10 với mức tăng 4,6% và 2,3% trong tuần, thể hiện dòng tiền đang bắt đầu chú ý đến những cổ phiếu được kì vọng sẽ hồi phục tốt trong Q4 khi nới lỏng giãn cách.

Khối ngoài tiếp tục diễn biến bán ròng trong tuần với giá trị gần 777 tỷ đồng, HPG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với giá trị 391 tỷ đồng, PAN xếp vị trí thứ 2 khi bị bán ròng gần 350 tỷ trong tuần. Chiều mua ròng, FMC được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị 484, trong tuần PAN cũng công bố đã bán thành công 5,4 triệu FMC cho công ty CP Việt Nam.

Đà tăng của VN-Index đang gặp thử thách tại ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400. Chúng tôi nhận thấy dòng tiền trong những phiên cuối tuần đang dần chuyển sang các cổ phiếu có triển vọng trong Q4, hưởng lợi từ việc nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội. Nếu VN-Index tiếp tục tạo nền tại ngưỡng 1.390 trong đầu tuần sau thì có thể sẽ thành công vượt 1.400. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+4 (KHẢ QUAN)**. P/E của VN-Index hiện đang ở mức 16,85.

**Phạm Bình Phương**, Analyst, 84-8-39102222, [phuong.pb@miraeasset.com.vn](mailto:phuong.pb@miraeasset.com.vn)

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	1	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	7	<b>KHẢ QUAN</b>
Dow Jones	7	<b>KHẢ QUAN</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

**Thị trường trái phiếu:**

- Trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 2.233 tỷ đồng, đạt 30% tổng khối lượng gọi thầu, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu giảm nhẹ về 1,8 lần từ mức 1,9 lần của tuần trước. Chi tiết như sau: (1) Kỳ hạn 10 năm trúng thầu 1.600/ 2.500 tỷ đồng tại mức 2,14% (+1bps); (2) Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 60/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,37% (+0bps) và (3) Kỳ hạn 20 năm phát hành thành công 573/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,8% (+0bps). Các kỳ hạn 5 năm và 7 năm với khối lượng gọi thầu 1.000 tỷ đồng mỗi kỳ hạn đã thất bại hoàn toàn.
- Tuần sau vào ngày 20/10 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 6.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 1.500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

**Thị trường tiền tệ:**

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 06/ - 13/10, lãi suất kỳ hạn O/N giữ nguyên tại mức 0,66%. Kỳ hạn 1 tuần và 3 tháng ghi nhận các mức giảm -2 bps và -25bps lần lượt về các mức 0,75% và 1,86%. Chiều ngược lại, các kỳ hạn 2 tuần, 1 tháng và 6 tháng lần lượt lên các mức 0,92% (+2bps), 1,5% (+26bps) và 3,16% (+37bps).
- **Tỷ giá VND/USD tại ngày 15/10/21 của NHNN** đã tăng 0,026% so với cuối tuần trước, lên mức 23.159 VND/USD. Tỷ giá NHTM có tuần thứ 3 giữ nguyên mức 22.630 - 22.860 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã giảm 0,043% chiều mua và tăng 0,086% ở chiều bán chạm mức 23.160 - 23.240 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

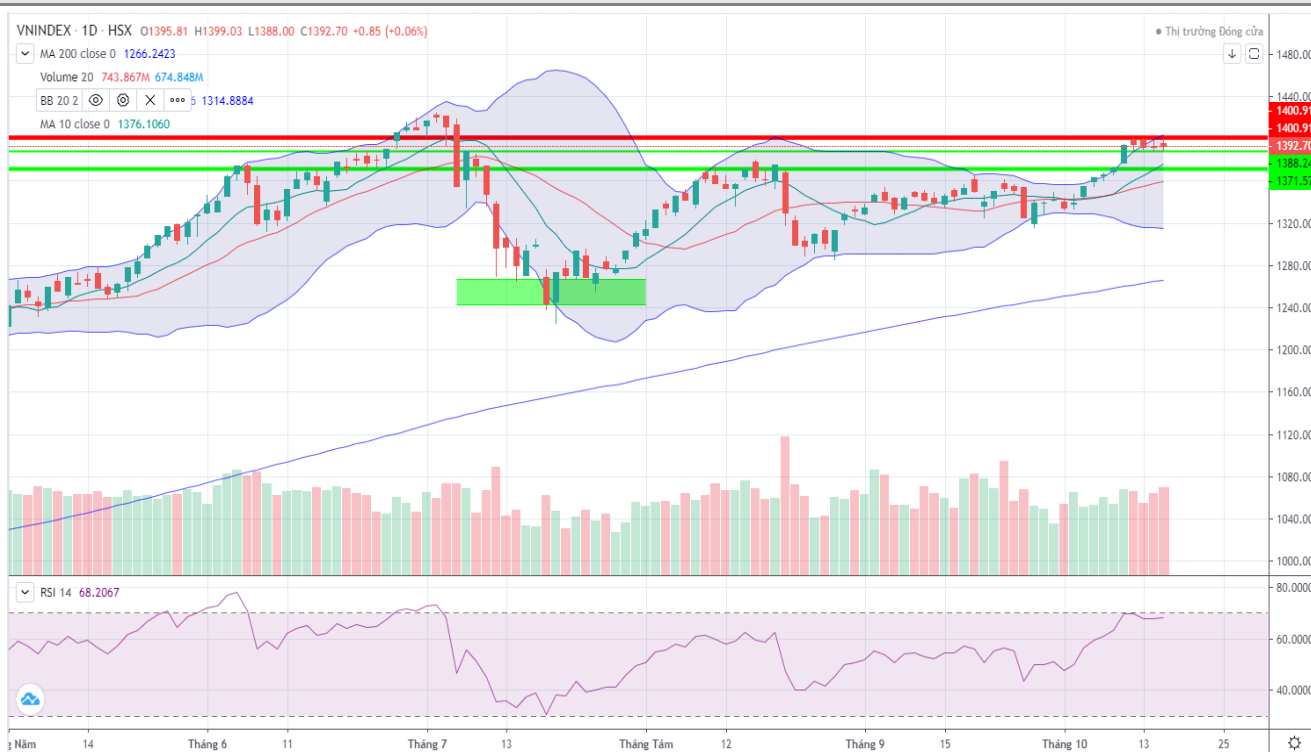
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/10/2021)	1,392.70	Kháng cự 1	<b>1.400</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	<b>Tăng</b>	Kháng cự 2	<b>1.420</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	<b>Tăng</b>	Hỗ trợ 1	<b>1.370</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	<b>1.320</b>

Ngưỡng 1.400 đang là kháng cự quan trọng của VN-Index sau 4 phiên chinh phục không thành công. Chỉ số hiện đang tạo nền giá mới tại vùng 1.390 - 1.392. Nếu nền giá tiếp tục duy trì trong những phiên đầu tuần sau, khả năng VN-Index sẽ thành công vượt 1.400. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+4 (KHẢ QUAN)**.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

## Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (15/10/2021)	1,504.5	Kháng cự 1 <b>1.530</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>KHẢ QUAN</b>	Kháng cự 2 <b>1.550</b>
VN30 - đóng cửa	1.504	Hỗ trợ 1 <b>1.480</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-0,34</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.450</b>

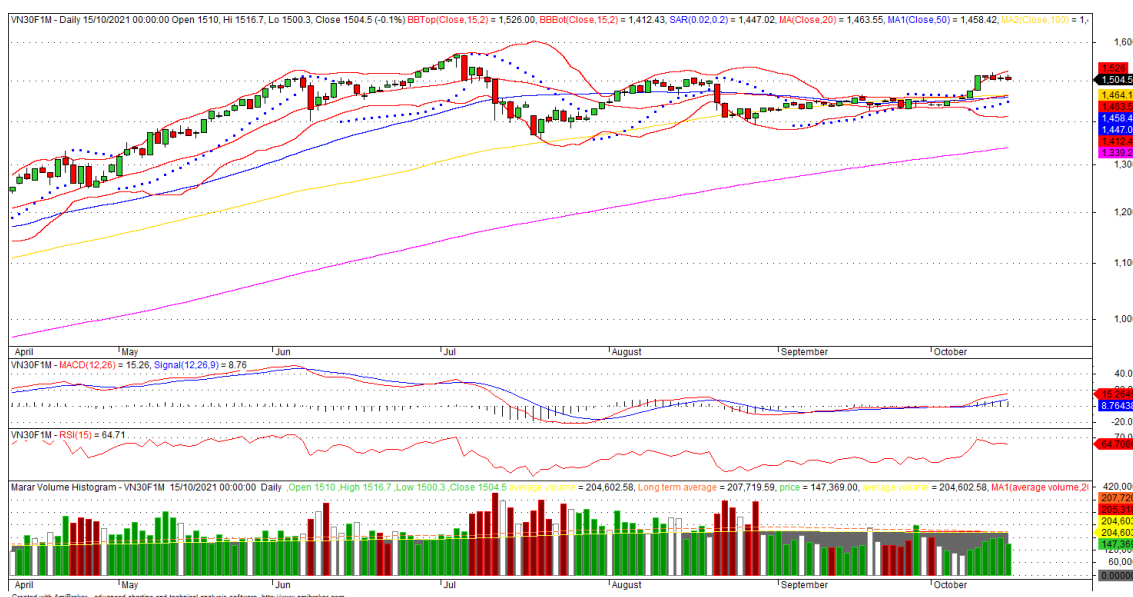
  

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
<b>VN30F1M (chart 15 phút)</b>	4	<b>KHẢ QUAN</b>
<b>VN30F1M (chart 60 phút)</b>	3	TRUNG TÍNH
<b>VN30F1M (chart ngày)</b>	4	<b>KHẢ QUAN</b>

VN30F1M đã vượt ngưỡng kháng cự mạnh ở 1,500 điểm và hiện tại đang ngang ở vùng giá cao nhất 1 tháng trở lại đây. Thanh khoản tiếp tục được cải thiện và các tín hiệu dự báo xu hướng đang ở mức KHẢ QUAN. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư có thể mở vị thế LONG theo chiến lược sau đây.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	1,500
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,490
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	1,530

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ - MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
HAX	Phân phối ô tô	23,000	758,670	99	4	Top sức mạnh ngành
DIG	Bất động sản	37,400	7,857,790	97	6	Top sức mạnh ngành
HDC	Bất động sản	94,000	790,270	96	4	Top sức mạnh ngành
DCM	Phân bón	32,700	5,412,095	94	7	Top sức mạnh ngành
IJC	Bất động sản	30,800	7,185,875	93	7	Top sức mạnh ngành
IDC	Bất động sản	59,300	3,418,390	86	5	Top sức mạnh ngành
DPM	Phân bón	42,750	7,117,520	84	7	Top sức mạnh ngành
SZC	Bất động sản	56,000	1,330,715	83	5	Top sức mạnh ngành
MWG	Bán lẻ	132,400	1,614,680	76	6	
NKG	Thép	51,900	7,590,760	73	7	Top sức mạnh ngành

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
NKG	51.9	7,590,760	7	KHẢ QUAN	11,335	7.6	2.4	394
STB	26.95	13,346,025	7	KHẢ QUAN	50,618	14.0	1.6	360
DPM	42.75	7,117,520	7	KHẢ QUAN	16,730	14.7	1.9	304
VCI	62.3	3,726,305	7	KHẢ QUAN	20,746	18.0	3.9	232
IJC	30.8	7,185,875	7	KHẢ QUAN	6,687	8.8	2.1	221
DCM	32.7	5,412,095	7	KHẢ QUAN	17,311	28.0	2.6	177
GEX	24.5	5,085,965	7	KHẢ QUAN	19,139	14.1	2.0	125
DLG	6.58	16,780,764	7	KHẢ QUAN	1,969	#N/A N/A	0.9	110
VHC	58.2	1,757,510	7	KHẢ QUAN	10,589	14.4	1.9	102
TNG	31.7	3,160,930	7	KHẢ QUAN	2,723	15.4	2.2	100
KSB	37.75	2,315,550	7	KHẢ QUAN	2,767	11.1	1.6	87
PAN	31.85	2,611,175	7	KHẢ QUAN	6,653	30.1	1.8	83
ASM	17.3	4,312,265	7	KHẢ QUAN	4,478	10.9	1.0	75
APS	26.9	2,441,540	7	KHẢ QUAN	2,098	12.7	2.6	66
HQC	4.11	15,169,965	7	KHẢ QUAN	1,959	452.1	0.5	62
TTF	8.3	7,461,840	7	KHẢ QUAN	2,583	#N/A N/A	#N/A N/A	62
DIG	37.4	7,857,790	6	KHẢ QUAN	15,891	20.5	3.2	294
MWG	132.4	1,614,680	6	KHẢ QUAN	94,389	20.6	5.2	214
PVT	25.1	6,109,385	6	KHẢ QUAN	8,124	10.1	1.7	153
GMD	50.9	3,006,875	6	KHẢ QUAN	15,340	37.5	2.5	153
HAH	73	2,065,510	6	KHẢ QUAN	3,460	16.5	3.0	151
SHS	37.9	3,715,010	6	KHẢ QUAN	10,903	10.2	2.5	141
GVR	38.2	3,663,340	6	KHẢ QUAN	152,800	32.4	3.2	140
NLG	46.7	2,535,330	6	KHẢ QUAN	16,124	11.9	2.1	118
SBT	21.6	4,925,090	6	KHẢ QUAN	13,590	22.7	1.7	106

AAA	16.35	5,435,225	6	KHẢ QUAN	5,337	13.1	1.1	89
PET	30.35	2,487,975	6	KHẢ QUAN	2,727	14.3	1.6	76
CII	19.55	3,487,455	6	KHẢ QUAN	4,670	154.1	1.0	68
REE	73	897,845	6	KHẢ QUAN	22,561	12.6	1.8	66
CTR	88	711,510	6	KHẢ QUAN	8,177	29.3	7.7	63
DRC	33.85	1,685,085	6	KHẢ QUAN	4,063	11.9	2.4	57
HPG	57.3	25,239,130	5	KHẢ QUAN	256,298	10.2	3.5	1,446
HSG	49.75	11,012,535	5	KHẢ QUAN	24,551	6.4	2.5	548
BSR	23	15,099,960	5	KHẢ QUAN	71,311	#N/A N/A	2.3	347
VPB	37.5	8,333,990	5	KHẢ QUAN	166,706	13.4	2.8	313
IDC	59.3	3,418,390	5	KHẢ QUAN	17,790	35.0	4.6	203
KDH	43.85	2,428,115	5	KHẢ QUAN	28,193	22.3	3.2	106
LPB	22	4,839,560	5	KHẢ QUAN	26,479	9.9	1.7	106
SZC	56	1,330,715	5	KHẢ QUAN	5,600	22.4	4.2	75
TLH	23	3,225,735	5	KHẢ QUAN	2,315	5.9	1.4	74
VIB	36.7	1,715,525	5	KHẢ QUAN	57,000	9.8	2.7	63
LDG	8.15	6,963,365	5	KHẢ QUAN	1,951	181.1	0.6	57
PDR	91.3	4,021,010	4	KHẢ QUAN	44,442	31.5	8.0	367
SSI	40.75	7,749,060	4	KHẢ QUAN	40,047	21.9	3.6	316
CTG	30.65	9,226,855	4	KHẢ QUAN	147,296	9.0	1.6	283
PVD	24.8	10,193,245	4	KHẢ QUAN	10,465	1,129.0	0.8	253
VIC	92.5	2,545,155	4	KHẢ QUAN	352,363	52.4	3.9	235
FPT	98.9	2,074,370	4	KHẢ QUAN	89,749	23.4	5.3	205
SCR	13.15	12,979,120	4	KHẢ QUAN	4,818	16.4	1.0	171
VRE	30.5	4,673,645	4	KHẢ QUAN	69,306	25.5	2.3	143
ACB	32.2	4,221,700	4	KHẢ QUAN	87,003	9.0	2.2	136
VGT	21.4	6,236,220	4	KHẢ QUAN	10,700	37.5	1.7	133
HDG	64.3	1,705,475	4	KHẢ QUAN	10,522	15.1	3.0	110
FIT	12.25	8,882,175	4	KHẢ QUAN	3,120	22.6	1.0	109
ITA	7.85	13,849,070	4	KHẢ QUAN	7,366	41.6	0.7	109
DXG	21.55	5,017,790	4	KHẢ QUAN	12,844	15.6	1.5	108
BCG	20.75	4,500,945	4	KHẢ QUAN	6,174	6.6	1.7	93
HDC	94	790,270	4	KHẢ QUAN	8,128	26.5	6.2	74
FCN	15.65	4,677,610	4	KHẢ QUAN	1,963	14.0	0.9	73
DRH	20.9	3,465,795	4	KHẢ QUAN	1,261	55.7	1.5	72
NTL	38.3	1,759,465	4	KHẢ QUAN	2,336	7.6	2.0	67
DPG	64.8	1,188,915	3	TRUNG TÍNH	4,082	13.2	3.4	77
BII	16.4	3,765,925	3	TRUNG TÍNH	946	5.3	1.6	62
TCB	52.6	9,711,465	2	TRUNG TÍNH	184,674	11.4	2.2	511
MBB	28.4	11,964,595	2	TRUNG TÍNH	107,304	10.3	2.0	340
VND	51.5	5,506,935	2	TRUNG TÍNH	22,095	11.9	3.7	284
FLC	12	20,618,724	2	TRUNG TÍNH	8,520	4.7	0.9	247
GAS	112	2,120,720	2	TRUNG TÍNH	214,362	27.5	4.6	238
VJC	131.7	846,280	2	TRUNG TÍNH	71,330	472.7	4.2	111
KDC	57.5	1,555,640	2	TRUNG TÍNH	13,267	25.8	2.3	89
PC1	39.7	2,010,475	2	TRUNG TÍNH	7,590	11.5	1.7	80
DHC	92.8	772,615	2	TRUNG TÍNH	6,495	12.6	4.1	72
DDV	29.5	2,097,205	2	TRUNG TÍNH	4,310	151.3	3.4	62

PNJ	100.5	570,545	2	TRUNG TÍNH	22,850	17.3	4.0	57
TPB	43.55	7,366,715	1	TRUNG TÍNH	51,026	10.4	2.3	321
SHB	27.55	20,655,620	0	TRUNG TÍNH	53,049	14.2	2.0	569
KBC	45.2	11,357,140	0	TRUNG TÍNH	25,753	25.0	2.1	513
VHM	78.7	5,470,500	0	TRUNG TÍNH	342,689	10.2	3.5	431
VNM	90	3,611,420	0	TRUNG TÍNH	188,096	19.7	5.9	325
DGC	158.6	1,281,690	0	TRUNG TÍNH	27,133	27.0	6.1	203
MSN	141	912,955	0	TRUNG TÍNH	166,455	78.9	7.8	129
HT1	24.8	4,434,550	0	TRUNG TÍNH	9,462	15.0	1.7	110
PLX	53.6	1,713,630	0	TRUNG TÍNH	68,104	16.7	2.7	92
ORS	28.6	3,185,815	0	TRUNG TÍNH	5,720	27.1	4.5	91
VCB	96.5	891,615	0	TRUNG TÍNH	357,907	17.4	3.4	86
FRT	47.7	1,718,980	0	TRUNG TÍNH	3,767	56.6	3.0	82
VOS	22	2,928,280	0	TRUNG TÍNH	3,080	20.2	4.2	64
PVS	28.7	10,808,330	-2	TRUNG TÍNH	13,718	25.3	1.1	310
POW	12.3	15,950,370	-2	TRUNG TÍNH	28,805	11.4	1.0	196
HHV	20.2	4,632,665	-2	TRUNG TÍNH	5,401	34.6	0.9	94
ROS	5.51	12,948,915	-2	TRUNG TÍNH	3,122	17.0	0.5	71
QNS	51.8	1,111,650	-2	TRUNG TÍNH	18,489	15.0	2.4	58
BVH	59.8	1,798,135	-3	TRUNG TÍNH	44,391	23.7	2.1	108
HCM	38.05	4,419,025	-4	TIÊU CỰC	17,410	17.2	3.2	168
LCG	18.45	6,951,745	-4	TIÊU CỰC	2,126	5.8	1.2	128
DBC	56.8	2,166,840	-4	TIÊU CỰC	6,546	5.3	1.4	123
HBC	16.1	7,491,190	-4	TIÊU CỰC	3,903	27.9	1.1	121
DGW	114.3	548,195	-4	TIÊU CỰC	10,104	24.8	7.3	63
NVL	102	2,102,265	-6	TIÊU CỰC	150,308	28.4	4.5	214

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Ngành khai thác than châu Á hồi sinh nhưng cuộc khủng hoảng năng lượng vẫn tiếp tục là nỗi ám ảnh

Công ty Than Ấn Độ, nhà khai thác than hàng đầu thế giới, đã tạm thời ngừng giao hàng cho tất cả những khách mua khác ngoại trừ các nhà máy điện. Việc tăng cường khai thác từ các mỏ không thể giải quyết được tình trạng này.

Natalie Biggs, người đứng đầu bộ phận nghiên cứu than nhiệt của Wood Mackenzie Ltd., cho biết: "Các thị trường có thể khó tăng trưởng nguồn cung vào mùa đông năm nay. Thậm chí, nếu nhiệt độ lạnh hơn ở bắc bán cầu, tình trạng thiếu hụt sẽ ngày càng nghiêm trọng trong một số lĩnh vực", bà Biggs nói.

Trung Quốc, nhà sản xuất và tiêu thụ than lớn nhất thế giới, có thể tăng sản lượng khai thác thêm 100 triệu tấn trong quý IV. Dự trữ đang tăng dần lên ở Ấn Độ. Indonesia, nước xuất khẩu hàng đầu, cuối cùng cũng đã phục hồi sản xuất sau khi bị gián đoạn bởi mưa. Ba quốc gia này cũng là những nhà sản xuất than lớn nhất thế giới.

Tuy nhiên, Trung Quốc và Ấn Độ cũng là những nước tiêu thụ than nhiều nhất, chiếm tới 2/3 tổng nhu cầu của thế giới. Theo Biggs, ngay cả khi hoạt động khai thác gia tăng, sản lượng than toàn cầu vẫn ở dưới mức trước dịch năm 2019. Trong khi đó, nhu cầu lại đang tăng lên mạnh mẽ.

Mưa lũ ở "vựa than" của Trung Quốc đang đe dọa làm sụt giảm nguồn cung. Vấn đề tương tự cũng xảy ra ở Indonesia và Australia. Trong khi đó, vấn đề hậu cần ở Nga và Nam Phi khiến cho việc khai thác, vận chuyển than gặp nhiều vấn đề. Kết hợp với sự phục hồi hậu đại dịch, tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng trở thành bài toán hóc búa. Không chỉ làm tăng giá, thiếu than còn dẫn tới tình trạng mất điện ở nhiều nơi.

Tại Trung Quốc, sản lượng khai thác than hàng tháng đã cao hơn năm ngoái khoảng 18 triệu tấn. Nhà chức trách cũng cho phép gia tăng sản lượng khai thác. Tổng cộng, Trung Quốc có thể đóng góp thêm 100 triệu tấn than trong quý này vào nguồn cung toàn cầu. Nó không chỉ giúp Trung Quốc có thể sưởi ấm các ngôi nhà mà còn giữ cho nền kinh tế hoạt động trơn tru. Tuy nhiên, các ngành ngốn năng lượng vẫn đối mặt với nguy cơ cắt điện để phục vụ 2 mục tiêu trên. Sản lượng thép và xi măng có thể giảm 30% trong năm nay.

Tại Ấn Độ, dự trữ than tại các nhà máy điện đang tăng mặc dù lượng tồn kho vẫn thấp hơn 80% so với một năm trước đó. Một số bang chứng kiến tình trạng mất điện kéo dài và giá điện cũng đang tăng. Công ty Than Ấn Độ, doanh nghiệp quốc doanh, cũng đang dồn than cho điện và phục vụ đời sống thay vì cho các ngành công nghiệp khác. Điều này có thể sẽ không sớm chấm dứt.

### Fed có thể bắt đầu cắt giảm bơm tiền vào giữa tháng 11

Theo CNBC trích dẫn từ biên bản cuộc họp tháng 9, các quan chức Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể bắt đầu cắt giảm việc bơm tiền thông qua chương trình mua tài sản từ giữa tháng 11 tới.

Theo đó, ngân hàng trung ương Mỹ có thể sẽ bắt đầu bằng cách cắt giảm 10 tỷ USD trái phiếu kho bạc và 5 tỷ USD chứng khoán được đảm bảo bằng thế chấp mua vào mỗi tháng. Hiện tại, mỗi tháng Fed đang mua vào ít nhất 80 tỷ USD trái phiếu kho bạc và 40 tỷ USD chứng khoán được đảm bảo bằng thế chấp.

Nếu không có yếu tố gián đoạn nào, chương trình mua tài sản của Fed có thể kết thúc vào giữa năm sau.



### **Kinh tế TP.HCM cả năm 2021 dự báo giảm 5,6%**

Tại Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Đảng bộ TP.HCM khóa XI (mở rộng) khai mạc sáng nay (14/10), ông Lê Hòa Bình, Phó chủ tịch UBND TP trình bày Tờ trình về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, thu chi ngân sách của TP 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2021.

Phó chủ tịch Lê Hòa Bình cho biết, tác động của đợt dịch lần thứ 4 phản ánh rõ trong bức tranh kinh tế của TP. Tốc độ tăng trưởng GRDP của TP 6 tháng đầu năm tăng 5,66% so với cùng kỳ. Nhưng đến quý 3 là thời gian TP thực hiện triệt để giãn cách xã hội, tốc độ tăng trưởng giảm mạnh 24,39% so với cùng kỳ.

Sự sụt giảm của quý 3 đã làm tốc độ tăng trưởng trong 9 tháng đầu năm giảm sâu, giảm 4,98% so với cùng kỳ. Dự báo cả năm 2021 GRDP của TP giảm 5,06% so với cùng kỳ, không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra là tăng trưởng 6%.

### **IMF hạ dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam 2021 xuống còn 3,78%**

Ngày 6/4/2021, IMF đã tăng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu lên mức 6% trong năm 2021. Đây là tốc độ tăng trưởng cao nhất kể từ những năm 1970, chủ yếu nhờ các chính sách chưa từng có của các quốc gia nhằm ứng phó với đại dịch COVID-19.

Tuy nhiên, IMF vừa công bố báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (World Economic Outlook - WEO) cho thấy, những đứt gãy trong các chuỗi cung ứng và sức ép giá đang kiềm chế đà phục hồi của nền kinh tế thế giới sau đại dịch COVID-19.

Theo đó, IMF đã giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2021 xuống còn 5,9% so với mức 6% đưa ra, và giữ nguyên dự báo cho năm 2022 là 4,9%.

### **Samsung Việt Nam: Nhiều đơn hàng bị hủy vì COVID-19**

Mới đây, tại hội nghị trực giữa Bộ Công Thương và Samsung Việt Nam cùng hơn 20 nhà cung ứng của Samsung Việt Nam Ông Choi Joo Ho, Tổng Giám đốc Samsung Việt Nam cho biết: "Sự ổn định của các doanh nghiệp cung ứng đóng vai trò rất quan trọng trong chuỗi sản của Samsung Việt Nam".

Samsung Việt Nam và các nhà cung ứng tại Việt Nam đề cập một số khó khăn tiêu biểu như hoạt động dưới công suất, thậm chí có doanh nghiệp tạm dừng hoạt động, thiếu nhân lực, di chuyển khó khăn giữa các khu vực, nhiều khoản chi phí mới phát sinh liên quan đến công tác phòng, chống dịch...

Đặc biệt, khi chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu bị gián đoạn, đình trệ cục bộ, nhiều doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu bị ảnh hưởng phải trì hoãn hoặc hủy đơn hàng, nếu giãn cách vẫn tiếp tục kéo dài có thể bị mất thị trường do bạn hàng thay đổi chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, quy định, kiểm soát lưu thông hàng hoá chưa phù hợp và thiếu sự đồng bộ giữa các địa phương, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Một số quy định về phòng, chống dịch thiếu tính khả thi, không còn phù hợp với tình trạng "bình thường mới", khi cách tiếp cận về phòng, chống dịch đã thay đổi, và ngày càng có nhiều người tiêm đủ liều vắc xin, hoặc đã điều trị khỏi COVID-19.

Thứ trưởng Bộ Công Thương Đỗ Thắng Hải cam kết sẽ kiến nghị các Bộ, ngành tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp.

### **Tiêu thụ điện giảm mạnh trong quý III**

Theo Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia (A0), do ảnh hưởng của dịch Covid-19 ở nhiều tỉnh, thành phố, tình hình tiêu thụ điện toàn quốc và miền Nam quý III/2021 đều giảm mạnh so với quý II cũng như cùng kỳ quý III năm 2020.

So sánh sản lượng tiêu thụ điện trung bình ngày trên quy mô toàn quốc, mức tiêu thụ điện của quý III năm nay giảm 10,53% so với quý II/2021 và giảm 4,14% so với cùng kỳ quý III năm 2020. Nếu so sánh sản lượng tiêu thụ điện trung bình ngày của riêng khu vực miền Nam thì mức tiêu thụ điện quý III/2021 giảm 23,41% so với quý II/2021 và giảm 13,59% so với cùng kỳ quý III năm 2020.

### **Đèo Cả (HHV) được giao làm cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu hơn 22.000 tỷ đồng**

Thông tin từ Tập đoàn Đèo Cả, ngày 12/10, lãnh đạo hai tỉnh Hòa Bình và Sơn La đã thống nhất một số nội dung liên quan đến dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (Sơn La).

Cụ thể, CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (Mã: HHV), thành viên thuộc Tập đoàn Đèo Cả cam kết hỗ trợ, tư vấn cho tỉnh phương án thiết kế tối ưu, làm việc với các bộ ngành, Chính phủ, Quốc hội nhằm mục tiêu điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo phương thức đầu tư công.

Trường hợp Thủ tướng không chấp thuận chủ trương chuyển đổi dự án sang đầu tư công, tức vẫn đề nghị tiếp tục nghiên cứu đầu tư theo phương thức PPP, UBND tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình thống nhất giao Tập đoàn Đèo Cả nghiên cứu phương án đầu tư và làm đầu mối làm việc với các nhà đầu tư trong và ngoài nước để cùng tham gia góp vốn, huy động vốn.

Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (Sơn La) có tổng chiều dài 85 km, đi qua địa phận tỉnh Hòa Bình khoảng 49 km, đoạn qua tỉnh Sơn La khoảng 36 km.

Giai đoạn 1 dự án có 4 làn xe, tiêu chuẩn cao tốc, có tổng mức đầu tư 22.294 tỷ đồng. Trong đó, vốn BOT 17.294 tỷ đồng; hai tỉnh tham gia bằng quỹ đất giá trị 5.000 tỷ đồng (tỉnh Hòa Bình 900 tỷ đồng tỉnh Sơn La 4.100 tỷ đồng). Thời gian hoàn vốn dự kiến 26 năm.

### **Công trình Viettel (CTR) lãi trước thuế hơn 300 tỷ đồng 9 tháng, dự kiến cả năm vượt 15% kế hoạch**

Tổng CTCP Công trình Viettel (Viettel Construction - Mã: CTR) vừa công bố kết quả sản xuất kinh doanh quý III với doanh thu đạt hơn 1.924 tỷ đồng, tăng trưởng 23,8% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận trước thuế khoảng 112 tỷ đồng, tăng 26,1%.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu CTR tăng 29,3% lên 5.476 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 306 tỷ đồng, tăng gần 44% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy doanh nghiệp đã thực hiện được 83% kế hoạch doanh thu và 87% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

### **Kienlongbank báo lãi trước thuế 9 tháng đầu năm cao gấp 6 lần cùng kỳ, sẵn sàng tăng tốc chuyển đổi số**

Theo báo cáo tài chính mới công bố của Ngân hàng TMCP Kiên Long (Kienlongbank - mã chứng khoán KLB), trong quý 3, ngân hàng báo lãi trước thuế tăng 83,33% so với cùng kỳ, ghi nhận gần 73 tỷ đồng. Trong đó, nguồn thu chính từ tín dụng đem về khoản lãi tăng 21% so với cùng kỳ (291 tỷ đồng), trong khi lãi từ dịch vụ gấp 2,5 lần đạt 48 tỷ đồng.

Trong một diễn biến khác, thông tin từ ngân hàng phát đi cho biết, tới đây, Kienlongbank sẽ thay đổi hoàn toàn nhận diện thương hiệu mới.

Đồng thời, ngân hàng cũng sẽ ra mắt các phòng giao dịch 5 sao "All in one" với không gian như các phòng chờ cao cấp, ứng dụng hàng loạt công nghệ khoa học hiện đại như quy trình eKYC (định danh điện tử khách hàng), trí tuệ nhân tạo AI, sinh trắc học, nhận diện khuôn mặt (Face ID), nhận diện giọng nói tự nhiên, công nghệ phân tích hình ảnh,... cùng hệ thống máy ATM có chức năng thay thế cho các quầy giao dịch truyền thống với đầy đủ các chức năng cho người dùng từ rút tiền, nạp tiền, cấp phát thẻ, mở sổ tiết kiệm... chỉ bằng vài điểm chạm một cách nhanh chóng, chính xác và bảo mật. Đặc biệt, các phòng giao dịch này sẽ được kết nối chặt chẽ với ứng dụng Kienlongbank Plus thông qua tính năng KLBSupport, hỗ trợ khách hàng đặt chỗ, hẹn giờ online, lựa chọn chuyên viên tư vấn...

Thời gian qua, cùng với sự thay đổi, bổ sung lớn về đội ngũ nhân sự cao cấp cùng một số thông tin hé lộ về nhận diện và các sản phẩm, dịch vụ tài chính mới sắp ra mắt, Kienlongbank đang có những bước chuyển mạnh mẽ, đậm dấu ấn công nghệ, hứa hẹn sự bứt tốc, đột phá trên đường đua chuyển đổi số.

### **Nhiều doanh nghiệp phân bón thuộc Vinachem có lợi nhuận tăng gấp hai, ba lần cùng kỳ**

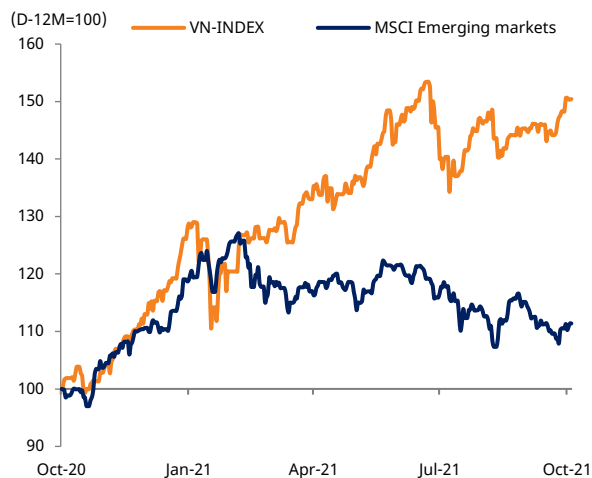
Một số đơn vị có lãi tăng cao như Hóa chất Việt Trì (Mã: HVT) tăng 105,9%, Cao su Đà Nẵng (Mã: DRC) tăng 31,5%.

Nhóm doanh nghiệp phân bón ghi nhận tăng trưởng từ hai tới ba chữ số như Phân bón Bình Điền (Mã: BFC) tăng 41,5%, CTCP Phân bón Miền Nam (Mã: SFG) tăng 318,8%. Ngoài ra CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (Mã: LAS) và CTCP DAP - Vinachem (Mã: DDV) có lãi với mức tăng trưởng lợi nhuận tương ứng là 186% và 226%.

Tại các công ty liên kết, CTCP Bột giặt NET (Mã: NET) ghi nhận doanh thu lũy kế 9 tháng đạt 720 tỷ đồng, lợi nhuận 9 tháng đạt 58 tỷ đồng. CTCP Cao su Sao Vàng (Mã: SRC) có doanh thu 9 tháng đạt 732 tỷ đồng, lợi nhuận 9 tháng đạt 42 tỷ đồng.

Còn tại CTCP Xuất nhập khẩu Hóa chất miền Nam, doanh thu lũy kế 9 tháng đạt 388 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 1,1 tỷ đồng,...

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



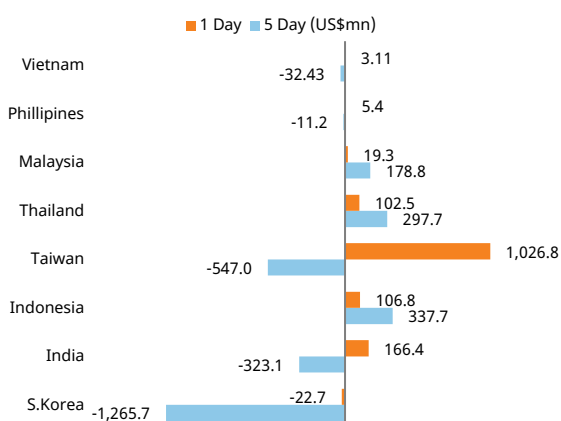
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



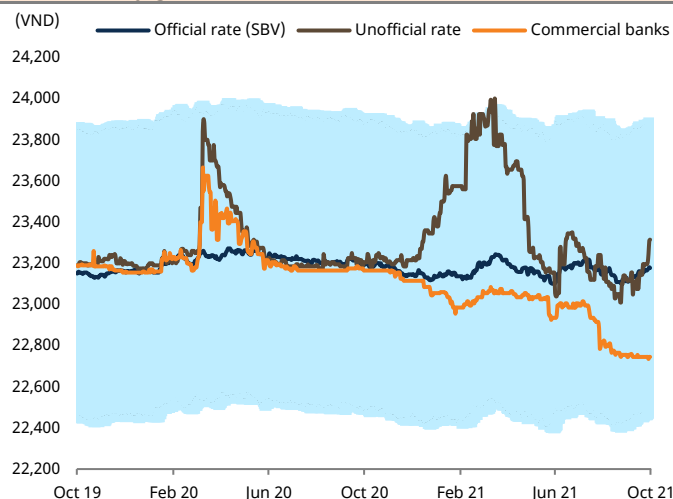
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



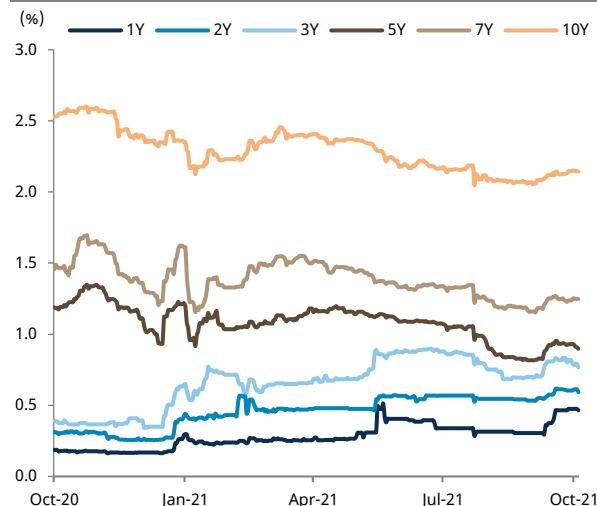
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



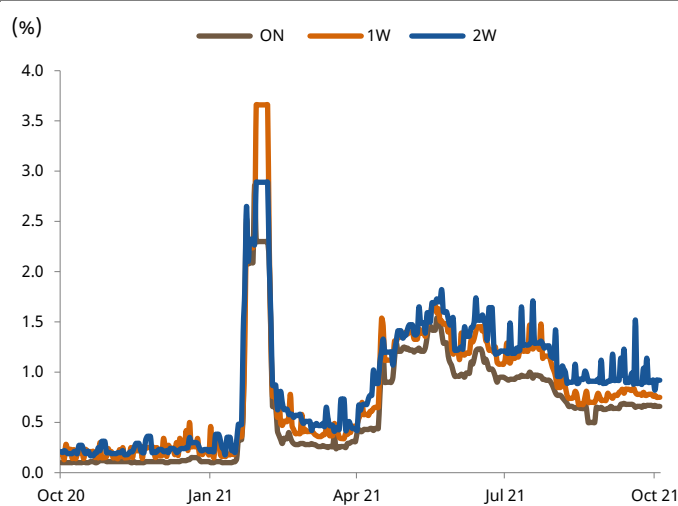
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,504.84</b>	<b>3,891,070</b>		<b>0.1</b>	<b>1.9</b>	<b>4.2</b>	<b>67.4</b>	<b>14.5</b>	<b>12.1</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>35.1</b>	<b>19.8</b>	<b>22.1</b>	<b>20.6</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	32,200	87,003	30.0	-0.3	2.4	3.2	64.3	8.7	7.0	1.9	1.5	31.8	25.1	25.6	24.4
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,500	158,870	16.6	-0.1	0.8	1.8	-6.5	17.1	12.1	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	16.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,800	44,391	26.6	-0.2	-2.3	10.5	10.7	26.8	24.2	2.1	2.0	3.6	10.7	8.2	8.6
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	30,650	147,296	24.4	0.2	4.1	-1.6	31.6	10.7	8.1	1.3	1.1	0.4	33.0	18.3	20.5
CTCP FPT	FPT VN	98,900	89,749	49.0	0.1	0.0	5.1	122.1	22.0	18.7	4.6	4.2	25.8	17.5	24.3	25.3
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	112,000	214,362	2.6	0.6	-0.4	22.4	49.3	23.5	19.3	4.3	3.9	18.0	21.8	18.4	20.9
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	38,200	152,800	0.6	-0.5	1.5	-0.8	181.9	38.6	34.6	2.9	2.8	94.5	11.8	9.4	10.3
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	25,650	51,100	17.7	-1.2	5.3	3.6	65.4	9.4	8.2	1.7	NA	29.7	15.3	22.2	21.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	57,300	256,298	25.4	0.9	2.9	11.0	166.3	8.3	8.0	2.7	2.0	142.1	4.0	40.0	30.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	43,850	28,193	30.9	0.1	0.7	6.4	101.4	26.2	19.3	3.0	2.5	-10.5	35.8	12.3	14.4
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,400	107,304	23.2	-0.4	2.5	3.5	119.9	8.8	7.3	1.6	1.4	46.7	21.4	22.1	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	141,000	166,455	32.3	-0.8	-3.1	-2.7	73.9	49.2	28.6	8.5	6.6	20,894.4	71.7	17.5	22.8
CTCP Thế giới di động	MWG VN	132,400	94,389	49.0	-0.8	2.8	6.3	81.5	19.6	15.3	4.3	3.8	17.3	28.1	24.5	27.2
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	102,000	150,308	8.8	-0.3	-2.4	-1.1	124.3	35.2	18.8	4.3	3.4	-538.3	87.2	19.4	17.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	91,300	44,442	3.2	-1.8	4.9	11.8	207.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	53,600	68,104	17.7	-0.6	-0.6	5.3	7.6	18.3	16.0	NA	NA	361.7	14.2	16.0	16.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	100,500	22,850	48.4	-0.5	1.0	9.4	54.6	21.3	16.9	3.9	3.3	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,300	28,805	3.0	-1.6	-1.2	4.2	21.2	13.8	11.2	0.9	0.9	-10.5	23.0	7.1	8.3
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	162,800	104,401	62.7	1.8	0.1	-1.9	-14.3	24.4	20.2	4.7	4.1	-6.4	20.5	21.2	23.0
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	40,750	40,047	44.5	-0.6	-0.2	-5.0	239.9	20.8	18.7	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	26,850	50,618	15.8	1.7	4.5	0.9	93.9	18.4	13.5	1.5	1.3	21.4	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	52,600	184,674	22.5	0.2	3.7	8.7	130.2	11.0	9.2	2.0	1.7	36.2	20.0	20.4	20.2
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	43,550	51,026	30.0	3.0	3.3	13.9	114.6	10.1	8.5	2.0	1.6	26.3	18.9	22.6	20.3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	96,500	357,907	23.5	-0.2	-0.5	-0.6	8.9	18.2	14.2	3.1	2.5	18.8	27.6	19.7	20.1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	78,700	342,689	22.9	-0.3	-1.5	-3.9	32.0	9.8	9.2	2.8	2.2	134.4	6.6	32.1	27.1
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	92,600	352,363	13.8	0.1	3.7	1.3	6.8	61.5	59.2	3.8	3.6	-131.4	4.0	4.1	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	131,700	71,330	17.6	-2.0	2.2	4.5	24.2	NA	36.9	NA	NA	-27.1	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,000	188,096	54.7	0.0	0.4	4.5	-16.3	18.9	17.5	5.8	5.5	-0.5	8.0	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	37,500	166,706	15.4	1.5	4.5	5.6	180.7	13.1	11.1	2.2	1.8	21.0	17.6	18.5	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	30,500	69,306	30.0	-0.7	4.6	6.8	10.5	27.5	19.1	2.3	2.2	5.7	43.9	6.8	10.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>19.97</b>	<b>5,393,007</b>	<b>0.1</b>	<b>1.5</b>	<b>3.5</b>	<b>47.7</b>	<b>16.4</b>	<b>13.2</b>	<b>2.6</b>	<b>2.3</b>	<b>34.2</b>	<b>24.3</b>	<b>20.3</b>	<b>19.4</b>
Ô tô và phụ tùng	0.07	9,668	0.4	2.8	4.5	59.8	8.2	7.1	1.4	1.3	20.0	16.4	11.7	12.2
Ngân hàng	10.52	1,651,861	0.1	2.4	2.9	48.3	12.2	9.5	2.0	1.6	31.1	26.6	17.9	18.3
Xây dựng cơ bản	1.51	219,321	0.2	2.9	9.1	97.5	7.0	5.8	0.5	0.4	34.5	23.3	8.3	7.7
Dịch vụ thương mại	0.01	5,463	0.3	0.6	4.9	43.3	7.4	5.8	NA	NA	10.8	39.0	9.2	12.1
May mặc và trang sức	0.22	48,302	0.6	1.9	6.8	113.5	14.9	11.9	2.7	2.3	21.3	25.8	15.7	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	0.05	9,390	0.2	1.7	1.5	33.3	NA	16.3	NA	NA	NA	NA	-9.9	4.0
Dịch vụ tài chính	0.48	141,183	0.0	1.2	-2.5	260.4	6.3	7.2	0.7	0.6	82.1	-8.6	4.8	4.9
Năng lượng	0.05	91,673	-0.5	0.2	8.7	32.2	47.7	17.5	0.2	0.2	NA	86.5	13.3	13.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.85	572,347	0.2	-0.5	0.6	19.1	26.5	18.0	5.3	4.5	59.5	32.9	20.5	22.4
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	1,371	-0.7	-2.3	-11.7	50.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,814	0.0	-0.5	-0.7	-3.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.30	54,583	-0.2	-2.0	11.1	18.3	23.7	21.8	1.8	1.7	12.2	8.0	7.6	8.0
Nguyên vật liệu	4.74	601,370	0.7	3.2	8.2	179.3	16.2	15.0	2.5	2.1	NA	2.5	25.5	20.5
Giải trí và truyền thông	0.01	1,405	0.8	4.1	6.4	-22.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.09	37,226	-0.1	-0.2	3.8	37.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	3.91	1,205,404	-0.4	-0.9	-1.2	19.5	9.2	8.0	1.5	1.3	4.3	14.7	8.6	9.0
Bán lẻ	0.72	104,790	-0.2	1.3	1.3	53.4	32.7	24.6	2.8	7.1	9.0	48.6	14.5	13.6
Phần mềm và dịch vụ	0.03	97,483	-0.7	2.7	6.4	78.9	19.1	14.7	4.0	3.5	30.6	28.8	22.5	25.1
Thiết bị và phần cứng	-0.04	10,104	0.1	0.1	5.2	123.3	20.2	17.2	4.3	3.8	29.5	17.6	22.4	23.3
Dịch vụ viễn thông	-0.01	2,268	1.3	-1.4	-2.7	332.1	22.8	17.7	6.5	5.1	61.1	29.0	30.9	26.2
Vận tải	0.61	204,879	-1.1	-2.1	12.7	445.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.03	309,411	-1.0	1.4	2.0	68.3	4.4	17.1	26.0	0.5	20.0	NA	-77.0	46.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	92,600	3.7	2,389,160	3.3
HPG VN	57,300	2.9	19,407,720	1.9
VPB VN	37,500	4.5	8,494,160	1.9
TCB VN	52,600	3.7	16,648,020	1.8
CTG VN	30,650	4.1	10,309,060	1.5
VIB VN	36,700	6.1	1,190,200	0.9
VRE VN	30,500	4.6	5,705,500	0.8
MBB VN	28,400	2.5	13,749,320	0.7
HDB VN	25,650	5.3	2,537,660	0.7
MWG VN	132,400	2.8	1,735,480	0.7

Nguồn: Bloomberg

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	141,000	-3.1	1,011,460	-1.4
VHM VN	78,700	-1.5	6,519,500	-1.4
NVL VN	102,000	-2.4	2,255,300	-1.0
VCB VN	96,500	-0.5	1,159,920	-0.5
BVH VN	59,800	-2.3	1,472,800	-0.3
GAS VN	112,000	-0.4	2,020,380	-0.2
HPX VN	30,700	-5.5	575,760	-0.1
PLX VN	53,600	-0.6	2,015,360	-0.1
NBB VN	37,000	-11.4	802,740	-0.1
POW VN	12,300	-1.2	18,003,880	-0.1

#### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.